

Phát triển công nghiệp Thái Nguyên thập niên đầu thế kỷ XXI – tình hình và triển vọng

HOÀNG THỊ MỸ HẠNH

*B*ài viết tập trung phân tích những tiềm năng phát triển của ngành công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và nêu ra những thành tựu đạt được từ năm 2000 đến năm 2010. Với một số vấn đề còn tồn tại, tác giả đưa ra những định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp tỉnh phát triển trong những năm tiếp theo.

1. Hiện trạng phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

1.1. Tiềm năng phát triển

Thái Nguyên được xác định là một trong số ít tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng, phong phú nhất cả nước, với 176 mỏ và điểm quặng, được chia thành 4 nhóm: nhóm khoáng sản nhiên liệu (bao gồm than antraxit, than mỡ); nhóm khoáng sản kim loại (kim loại đen, quặng titan và kim loại màu); nhóm khoáng sản phi kim loại (barit, pyrit, phot-phorit); nhóm khoáng sản phục vụ cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng (cát, đất sét, cao lanh, đá vôi,...). Trong đó, nhóm kim loại chủ yếu là quặng sắt có trữ lượng trên 30 triệu tấn, chì kẽm trên 100 nghìn tấn, quặng vonfram trên 200 nghìn tấn, ngoài ra còn các mỏ, điểm quặng vàng, thủy ngân, niken... Nhóm phi kim loại gồm quặng phorit trữ lượng trên 60 nghìn tấn, thêm vào đó có pyrit, barit,... Về đá xây dựng các loại có trên 90 tỷ m³, trong đó riêng đá vôi có 200 triệu tấn, đolômit trữ lượng trên 1 triệu tấn, đá ốp lát trên 35 triệu tấn, đất sét các loại trữ lượng trên 90 triệu tấn.

Thái Nguyên cũng là địa phương có nhiều khu công nghiệp được đầu tư xây dựng sớm nhất trong cả nước. Trong đó, Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên (được xây dựng từ những năm 60, thế kỷ XX)- nơi sản xuất thép từ quặng duy nhất ở Việt Nam đang được đầu tư theo chiều sâu. Khu công

nghiệp Sông Công được Chính phủ quyết định thành lập từ năm 1999 với diện tích 320 ha, đã thu hút nhiều dự án đầu tư. Ngoài ra, tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt quy hoạch 2 cụm công nghiệp tại thành phố Thái Nguyên và 23 cụm công nghiệp tại các huyện, thị xã với tổng diện tích 440 ha.

Năm 2010 toàn tỉnh có 9795 cơ sở sản xuất công nghiệp, trong đó có trên 1000 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh theo Luật doanh nghiệp. Trong số này có trên 130 cơ sở sản xuất công nghiệp lớn, điển hình là Công ty Gang thép Thái Nguyên, Công ty Vật liệu xây dựng, Điện lực Thái Nguyên, Công ty phụ tùng máy số 1, Công ty Natsteel Vina...

Công nghiệp luyện kim:

Thái Nguyên hiện có 55 cơ sở luyện kim, trong đó có một số cơ sở khá nổi tiếng như Công ty Gang thép Thái Nguyên, Công ty luyện màu Thái Nguyên, thép Disoco Tú Ninh... Các sản phẩm chủ yếu năm 2010 là thép cán kéo 860,3 nghìn tấn, thép thổi 356,0 nghìn tấn, thiếc thổi 1.276,3 nghìn tấn. Công nghiệp luyện kim của tỉnh có một số hạn chế như: chủng loại sản phẩm chưa phong phú, chưa có sản phẩm cao cấp dùng cho công nghiệp chế tạo máy móc, đóng tàu, cầu đường; khối lượng sản phẩm sản xuất không ổn định (đặc biệt là phôi thép, thiếc

Hoàng Thị Mỹ Hạnh, ThS., Trường đại học Sư phạm Thái Nguyên.

xuất khẩu, bột ôxít kẽm, kẽm đồng nhôm...) do bị phụ thuộc quá nhiều vào thị trường thế giới. Cho dù đã cố gắng ứng dụng một số công nghệ tiên tiến vào sản xuất như: luyện thiếc bằng lò luyện, thiêu quặng kẽm, điện phân thép..., nhưng nhìn chung thiết bị và công nghệ còn lạc hậu, công tác triển khai nghiên cứu chưa được quan tâm, công tác quy hoạch khai thác và sử dụng tài nguyên chưa tốt, nên gây lãng phí tài nguyên khoáng sản lớn.

Công nghiệp cơ khí (chế tạo máy và gia công kim loại):

Trên địa bàn tỉnh có 718 cơ sở sản xuất cơ khí, chiếm 6,8% cơ sở sản xuất công nghiệp và 7,2% số cơ sở sản xuất chế biến. Tổng số lao động cơ khí là 5.500 người, chiếm 10% lao động công nghiệp. Giá trị sản xuất của ngành chiếm tỷ trọng khoảng 8,5% công nghiệp toàn tỉnh, có tốc độ tăng trưởng khá. So với ngành cơ khí của cả nước, Thái Nguyên có năng lực đúc tương đối khá, công suất khoảng 10.000 tấn vật đúc/năm.

Có năng lực rèn dập khá mạnh với các dây chuyền rèn dập từ 1-10 tấn và 160-1.600 tấn, là địa phương duy nhất có thiết bị dập song động, công suất trên 1.200 tấn/năm. Sản phẩm của ngành rất đa dạng, tiêu thụ trên phạm vi cả nước là các sản phẩm của động cơ diesel và các loại phụ tùng, hộp số, công cụ, dụng cụ cơ khí, dụng cụ y tế, băng chuyền...; tiêu thụ trong phạm vi tỉnh là các sản phẩm vỏ chèn, máy sao chèn, máy nông cụ; xuất khẩu động cơ diezen, phụ tùng máy động lực, dụng cụ cầm tay, dụng cụ thú y...

Công nghiệp cơ khí của tỉnh hiện còn một số hạn chế: các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, số lượng cơ sở trên 300 lao động không nhiều, vốn tài sản nhỏ bé, trang thiết bị phần lớn là cũ và lạc hậu với đa số là máy vụn năng, cấp chính xác và trung bình do Liên Xô, Tiệp, Đức, Trung Quốc và Việt Nam sản xuất từ thập kỷ 70 (thế kỷ XX), nên tiêu hao năng lượng lớn, hiệu quả năng suất thấp (thấp hơn so với mức trung bình cơ khí của cả nước).

Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản:

Thái Nguyên hiện có 300 cơ sở khai thác khoáng sản với tổng số lao động trên 4,2 nghìn người. Sản phẩm chính là: than, quặng sắt, kẽm, đônômít, pirít, barít, titan, đá xây dựng, sét..., phân bố ở phía Bắc Thái Nguyên. Công nghiệp khai khoáng của Thái Nguyên chủ yếu là tận thu. Trừ thiếc được chế biến tinh, các loại quặng khác nhau sau khi khai thác đều được bán thô. Các thiết bị kiểm tra tiên tiến hiện đại không có.

Công nghiệp hóa chất:

Thái Nguyên là một trung tâm sản xuất vật liệu nổ công nghiệp của cả nước, gồm 2 công ty hóa chất vật liệu nổ công nghiệp Z131 và Z115 (thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng) và Xí nghiệp Vật liệu nổ công nghiệp (thuộc Tổng công ty Than Việt Nam). Ngoài ra, Thái Nguyên còn có trên 60 cơ sở sản xuất hóa chất khác với trên 300 lao động, trong đó, chủ yếu là lao động phổ thông. Giá trị sản xuất của ngành hóa chất rất thấp (chỉ bằng 0,09% giá trị công nghiệp của tỉnh) và tăng giảm thất thường (giảm rất nhanh trong giai đoạn 1997-2000), ổn định trong giai đoạn 2000-2002 và có bước tăng trưởng nhảy vọt trong giai đoạn sau 2002. Trang thiết bị, sản xuất nhà xưởng còn lạc hậu, quy mô nhỏ, manh mún nên chủng loại sản phẩm ít, chất lượng sản phẩm thấp. Trong giai đoạn 2005-2010 sản xuất được trên 15 nghìn tấn thuốc nổ, 4400 ngàn tấn NPK, trên 13,5 triệu thuốc viên và 2,2 triệu thuốc ống.

Ngành sản xuất vật liệu xây dựng:

Thái Nguyên hiện có 1.750 cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, chiếm 15% tổng số các cơ sở sản xuất toàn ngành công nghiệp của tỉnh, chủ yếu là cơ sở khai thác đá, sản xuất gạch ngói, thủ công, sản xuất gạch lát hoa, tấm lợp. Lao động sản xuất vật liệu xây dựng có khoảng 14 nghìn người, phần lớn là lao động thủ công sản xuất gạch ngói nung và khai thác đá. Thời

kỳ 2000-2010 tăng 35%/năm. Ngành đang có những hạn chế như: thiếu vốn đầu tư, sản xuất đơn điệu, chất lượng thấp, khó tiêu thụ ở các tỉnh lân cận và phục vụ cho công trình hiện đại.

Công nghiệp dệt, may, da giày:

Thái Nguyên hiện có 1300 cơ sở dệt, may, da giày, chiếm hơn 12% tổng số cơ sở sản xuất của tỉnh, trong đó trên 96% là cơ sở may. Lao động của ngành tăng đều qua các năm, nhưng tốc độ tăng không lớn và đang có sự chuyển dịch lao động từ dệt may sang giày dép. Tính đến cuối năm 2000, lao động ở lĩnh vực này là trên 3.300 người, chiếm hơn 5% lao động toàn ngành công nghiệp, trong đó 91,5% là lao động trong ngành may mặc. Giá trị sản xuất năm 2005 đạt 111 tỷ đồng, tăng trung bình 8,6%/năm giai đoạn 2000- 2010. Nhìn chung mẫu mã sản phẩm còn đơn điệu, chủng loại chưa phong phú, chất lượng chưa cao, nên mới chỉ đáp ứng nhu cầu trong tỉnh. Một số ít sản phẩm đã vượt ra thị trường nước ngoài, song hiệu quả thấp do chưa có kênh tiêu thụ trực tiếp mà phải qua trung gian.

Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, đồ uống:

Công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm, đồ uống là một trong những ngành công nghiệp quan trọng của tỉnh. Năm 2010 toàn nhóm này có trên 10.500 cơ sở, chiếm 65% tổng số cơ sở công nghiệp của tỉnh, trong đó chủ yếu là cơ sở sản xuất thực phẩm và đồ uống. Tổng số lao động của ngành năm 2010 là trên 16.000 người, chiếm 30% tổng số lao động của tỉnh. Lao động tập trung chủ yếu trong phân ngành thực phẩm và đồ uống với gần 7.000 người, tiếp đến sản xuất các sản phẩm gỗ và lâm sản gần 6.000 người. Các sản phẩm chủ lực của ngành đạt được năm 2010 là chè chế biến: trên 8.000 tấn, gỗ xẻ các loại: 1.100m³, giấy các loại: 21.411 tấn.

- Ngành tiểu thủ công nghiệp:

Hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ bé, tập trung chủ yếu ở thành phố

Thái Nguyên và thị xã Sông Công, huyện Đông Hỷ, huyện Phổ Yên. Nhìn chung quy mô sản xuất nhỏ chủ yếu là lao động phổ thông, một số cơ sở gia công sửa chữa cơ khí sản xuất công cụ, dụng cụ có trang bị máy móc thiết bị, nhưng đã lạc hậu. Các cơ sở cán kéo thép thiết bị đầu tư chưa đồng bộ, chất lượng sản phẩm thấp, sản lượng chiếm khoảng 1% tổng sản lượng sản xuất trên địa bàn.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh, đáp ứng nhu cầu trong tỉnh về các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và mở rộng thị trường ra ngoài tỉnh đối với một số sản phẩm. Sự phát triển thủ công nghiệp góp phần thúc đẩy tiến trình đô thị hóa nông thôn, hình thành nên các thị trấn, thị tứ trên cơ sở hình thành những ngành nghề mới tại các xã và cụm xã, góp phần nâng cao dân trí, thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

1.2. Thực trạng phát triển công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên

1.2.1. Chính sách phát triển

Những chính sách của Đảng bộ Thái Nguyên là yếu tố quyết định nhất làm cho công nghiệp biến đổi. Bởi vì chính sách phát triển kinh tế, công nghiệp của Đảng một mặt nằm trong tổng thể các chính sách phát triển kinh tế và thay đổi cơ cấu kinh tế, mặt khác nó là tập hợp các chính sách dành riêng cho công nghiệp về mặt kinh tế và lao động. Những chính sách của Đảng bộ sẽ có vai trò can thiệp, bổ sung những “khuyết tật” của cơ chế thị trường và cùng với cơ chế thị trường khắc phục những vấn đề xã hội gay gắt. Trong cơ cấu kinh tế công nghiệp, vai trò của những chủ trương chính sách có tác dụng làm đòn bẩy kinh tế, công nghiệp là bộ phận trong nền kinh tế, sự thay đổi của chính sách sẽ tác động đến sự việc phát triển của ngành kinh tế đó theo hướng nào, đây là nhân tố cơ bản làm cho kinh tế công nghiệp của tỉnh biến đổi.

Bước vào năm 1996 bối cảnh trong nước và quốc tế có nhiều thay đổi, đặc biệt là xu hướng hợp tác hóa khu vực, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của ASEAN (năm 1995) và chính thức tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA, năm 1996), tiếp đó là việc ký hiệp định khung về việc xây dựng Khu vực đầu tư ASEAN (AIA, năm 1998) đã mở ra nhiều cơ hội và thách thức cho nền kinh tế đất nước nói chung và kinh tế từng địa phương nói riêng. Đứng trước bối cảnh hội nhập quốc tế, đặc biệt là những cương lĩnh, chiến lược chủ trương của Đảng trong thời kỳ đổi mới, Đảng bộ Bắc Thái đã đưa ra những phương án quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, trong đó khẳng định *“phát triển công nghiệp phải nhằm tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh. Nhưng mức tăng trưởng của công nghiệp ở mức cao hơn so với các ngành khác và vững chắc. Đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch kinh tế từ nông, lâm, công nghiệp và dịch vụ sang cơ cấu công nghiệp dịch vụ và lâm nghiệp vào thời kỳ cuối của kế hoạch 1996 - 2000... từng bước gắn nhiệm vụ phát triển công nghiệp thủ công nghiệp với quá trình phát triển kinh tế nông, lâm, nghiệp và dịch vụ...”* Đây là một định hướng quan trọng trong thời điểm này, công nghiệp phải là đòn bẩy cho nền kinh tế của tỉnh, góp phần với công nghiệp cả nước cải tạo và trang bị cho các ngành và các hoạt động kinh tế, xã hội, nhất là phải gắn với nông nghiệp và dịch vụ. Đây là một cơ cấu kinh tế hợp lý với những điều kiện cụ thể của một tỉnh trung du miền núi có tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng. Nhấn mạnh đến bố trí hợp lý cơ cấu ngành kinh tế mà bộ phận quan trọng đầu tiên là mối quan hệ công-nông nghiệp.

Trong xu thế chung của cả nước, Bắc Thái cũng chỉ tập trung vào một số ngành công nghiệp quan trọng. Đảng bộ cũng xác định trong thời gian đầu không thể lấy việc phát triển công nghiệp nặng làm nền tảng, mà phải lấy công nghiệp nhẹ, công nghiệp hàng tiêu dùng làm cơ sở tạo tích lũy đầu tư

cho phát triển công nghiệp nặng và công nghiệp mũi nhọn như: khai khoáng, cơ khí, luyện kim, điện tử, vật liệu xây dựng... Đây là chủ trương phát triển công nghiệp đúng đắn dựa trên những nguồn lực mà Bắc Thái hiện có, vị trí của công nghiệp Bắc Thái trong nền công nghiệp Việt Nam. Như vậy, Đảng bộ đã xác định rõ công nghiệp là cái gốc của nền kinh tế, việc phát triển này chuẩn bị cho những chặng đường tiếp theo của đại công nghiệp trong quá trình CNH, HĐH, hơn nữa tính biện chứng ở đây là công nghiệp không chỉ nâng đỡ cho nông nghiệp, mà nó chuẩn bị cơ sở vật chất tốt cho quá trình CNH, HĐH.

Trong phương hướng phát triển công nghiệp trong những năm 1996- 2006 được Đảng bộ Bắc Thái xác định như sau: *“Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến các nguyên liệu từ nông, lâm sản, các ngành sản xuất thu hút nhiều lao động, tạo việc làm, áp dụng công nghệ tiên tiến thích hợp, đẩy mạnh xuất khẩu, thu hồi vốn nhanh, có tỷ suất lợi nhuận cao như các ngành: may mặc, tơ tằm, bia hơi, chế biến chè, lắp ráp sửa chữa điện tử, khí cụ điện, cơ khí tiêu dùng và tiểu ngũ kim..., xây dựng có chọn lọc một số công trình công nghiệp có lợi thế về nguyên liệu, thị trường như xi măng đen, gạch máy, gạch đá xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản”*.¹ Đồng thời Đảng bộ cũng đưa ra việc lựa chọn các ngành công nghiệp chủ lực của công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng gồm các ngành: cơ khí chế tạo, luyện kim, khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp nhẹ bao gồm: chế biến nông, lâm sản, chế biến thực phẩm lương thực, sản xuất hàng tiêu dùng... Phương hướng chiến lược này hoàn toàn sát hợp với việc phát triển công nghiệp của tỉnh, phù hợp với xu thế chung của cả nước. Đối với công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, vừa phải đáp ứng nhu cầu của tỉnh, lưu thông hàng hóa với tỉnh khác, vừa phải hướng ra xuất khẩu.

Năm 1997 tỉnh Thái Nguyên được tái thành lập. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã

hội của tỉnh giai đoạn từ 1997-2010 vẫn xác định sự cần thiết phải phát triển công nghiệp trên địa bàn để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV.

Chính sách khuyến khích phát triển kinh tế nhiều thành phần và bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế đã góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế dịch vụ, công nghiệp và du lịch trong những năm qua. Các thành phần kinh tế được hỗ trợ và tạo điều kiện sản xuất, kinh doanh thuận lợi hơn. Luật Doanh nghiệp ra đời năm 2000 tạo hành lang pháp lý khuyến khích các doanh nghiệp thành lập. Quy mô vốn của doanh nghiệp lớn hơn trước, công nghệ ngày càng tiến bộ. Nhiều chính sách huy động vốn cho đầu tư phát triển được ban hành nhưng số vốn huy động được chủ yếu vẫn là vốn trong nước. Cơ chế chính sách và môi trường đầu tư được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây. Ngành công nghiệp được ưu tiên đầu tư lớn từ vốn ngân sách góp phần tạo nhiều việc làm cho lao động tỉnh và cải thiện đáng kể đời sống nhân dân trong tỉnh.

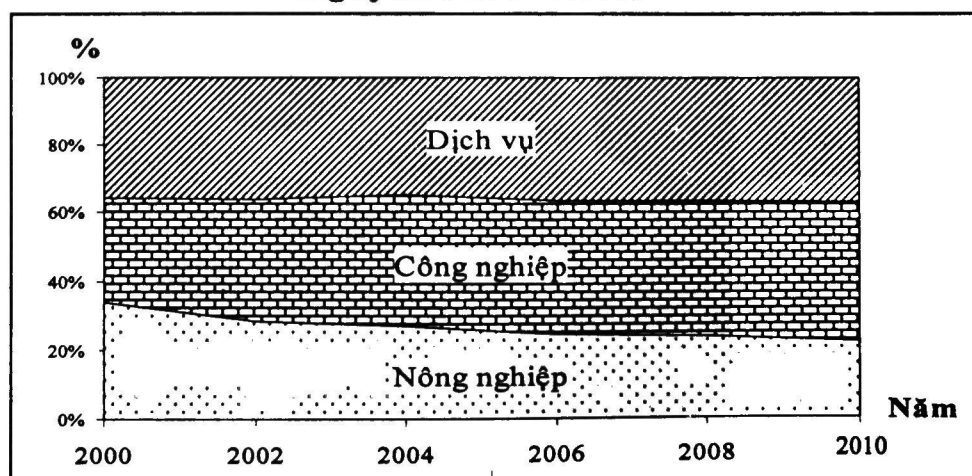
Trong những năm gần đây, Thái Nguyên đã và đang tích cực thực hiện đề án “Cải thiện môi trường đầu tư”, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”,

ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư như: quy định ưu đãi khuyến khích đầu tư trong nước của tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 4456/QĐ-UB ngày 16-11-2001); quy định về một số biện pháp khuyến khích đầu tư trong nước và đảm bảo đầu tư trực tiếp nước ngoài (Quyết định số 2469/2001/QĐ-UB ngày 26-9-2001); quy định về tiếp nhận, thẩm định giấy chứng nhận đầu tư và giấy phép đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Quyết định số 3044/2001/QĐ-UB ngày 28-8-2003)... trong 3 năm 2001- 2003, Sở Công nghiệp đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 14 quy chế, đề án, chương trình liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước và cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. Động thái này cho thấy những nỗ lực của Thái Nguyên trong việc thu hút đầu tư, khơi dậy và phát huy hiệu quả những tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển công nghiệp tiểu thủ công nghiệp.

1.2.2. Những kết quả đạt được từ năm 2000 đến 2010

Trong thời kỳ 2000 - 2010, tỷ trọng của ngành công nghiệp trong GDP toàn tỉnh liên tục tăng lên qua các năm và đóng góp nhiều nhất cho GDP tỉnh. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa đã góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế, từng bước khẳng định xu thế đúng đắn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

HÌNH 1: Chuyển dịch cơ cấu giá trị tổng sản phẩm theo ngành kinh tế tỉnh Thái Nguyên (2000 - 2010)



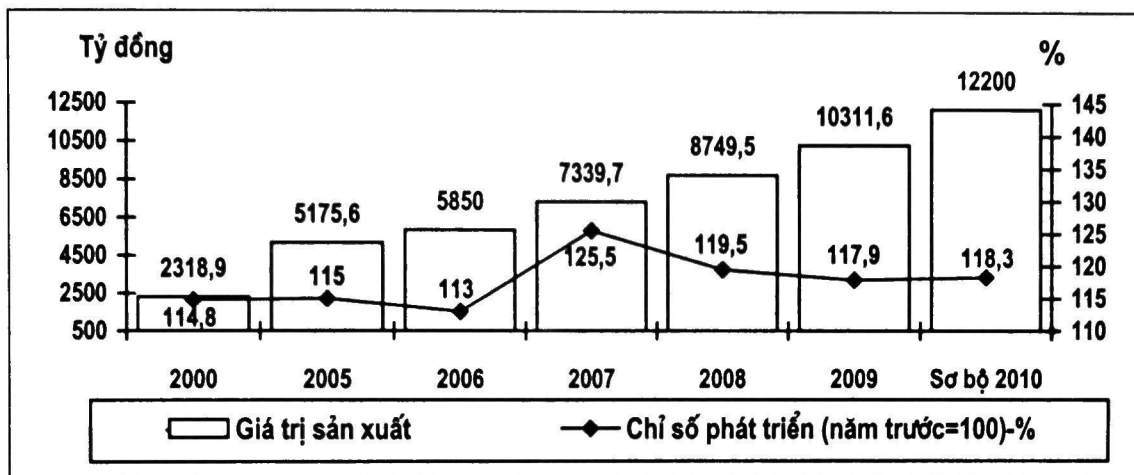
Phát triển công nghiệp ...

Trong cơ cấu GDP chia theo 3 khu vực kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Thái Nguyên. Tỷ trọng ngành nông nghiệp đã giảm dần nhưng còn chậm, tỷ trọng các ngành công nghiệp – xây dựng tăng dần nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa

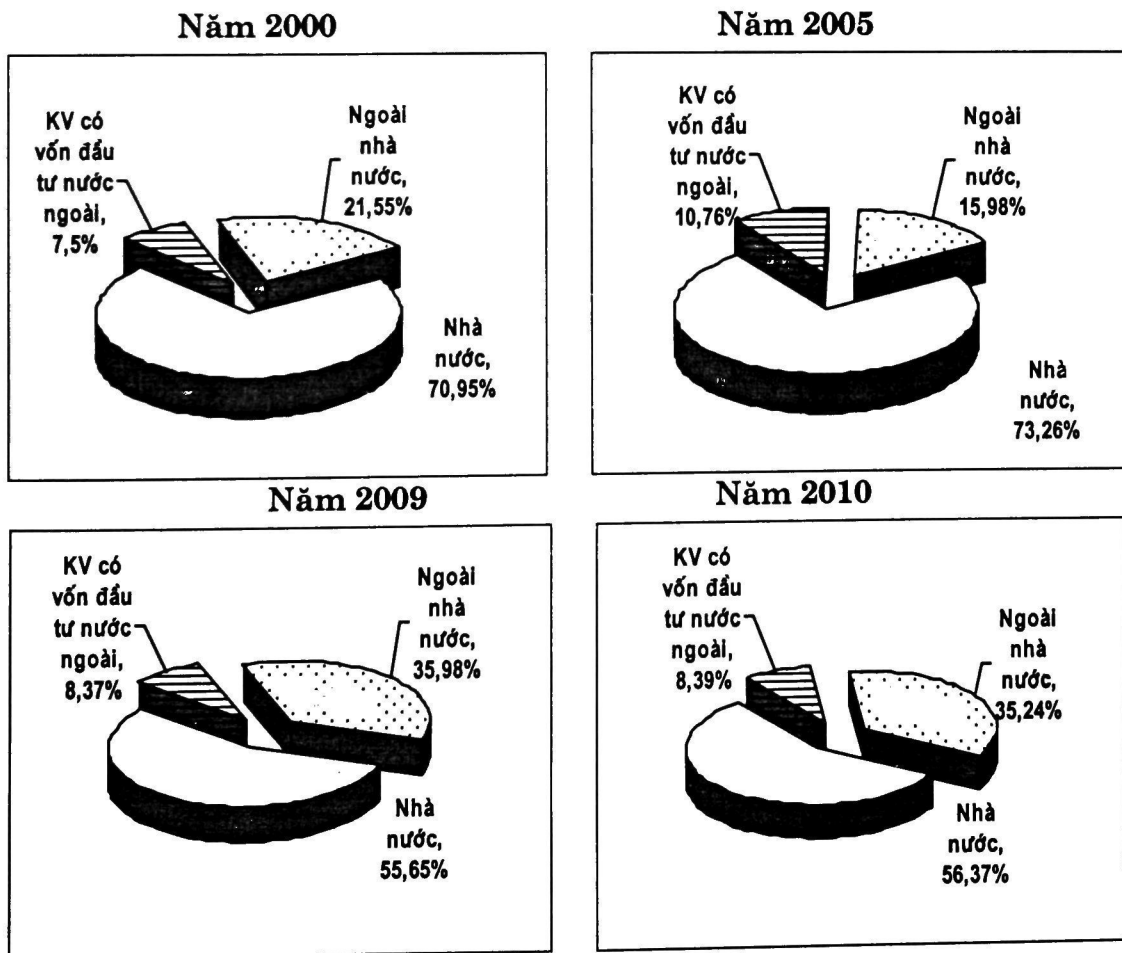
hiện đại hóa. Tỷ trọng ngành dịch vụ có xu hướng tăng, tuy nhiên không ổn định và chưa bảo đảm tính vững chắc.

Giai đoạn 2000 – 2010, sản xuất công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên tăng nhanh. Năm 2010, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 12.200 tỷ đồng (giá so sánh năm 1994) cao gấp 2,3 lần năm 2005 (gần 5.200 tỷ đồng).

HÌNH 2: Giá trị sản xuất công nghiệp (Theo giá so sánh 1994)



HÌNH 3: Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2010.

Cơ cấu sản phẩm công nghiệp đã có bước chuyển biến tích cực. Công nghiệp chế biến, chế tạo có giá trị sản xuất (theo giá thực tế) lớn nhất, tốc độ tăng trưởng cao và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản phẩm công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên, năm 2000 là 86,79%, tăng lên 88,56% năm 2006 và đạt mức 90,22% năm 2010. Như vậy, giá trị ngành công nghiệp chế biến của tỉnh Thái Nguyên luôn chiếm tỷ trọng cao và trên 85%, thể hiện ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao và ít tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái. Trong đó các ngành phát triển và có giá trị sản xuất lớn như: công nghiệp chế biến lương thực, đồ uống là 1.500,3 tỷ đồng (năm 2010); công nghiệp sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy là 434,2 tỷ đồng; công nghiệp hóa chất và sản phẩm hóa chất là 1.596,4 tỷ đồng; sản xuất kim loại đạt 15.931,2 tỷ đồng và sản xuất xe có động cơ rơ móc là 1.544,9 tỷ đồng (năm 2010).

Công nghiệp khai khoáng của Thái Nguyên chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành công nghiệp, năm 2000 là 4,02% giảm xuống còn 3,19% năm 2010. Điều này thể hiện mặc dù Thái Nguyên có nhiều tài nguyên khoáng sản, nhưng ngành công nghiệp khai khoáng không phải ngành công nghiệp trọng yếu và đang giảm tỷ trọng đã hạn chế những tác động trực tiếp gây cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường của tỉnh Thái Nguyên.

Ngành công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí đốt nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí có giá trị sản xuất thực tế tăng, tuy nhiên cơ cấu giá trị trong ngành công nghiệp giảm năm 2000 là 8,71% giảm xuống còn 5,97% năm 2010. Ngành công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải chiếm tỷ trọng nhỏ dưới 1% giá trị ngành công nghiệp (0,62%) nhưng có vai trò rất quan trọng đối với môi trường sinh thái và chất lượng cuộc sống cũng như góp phần bảo đảm chất lượng phát triển và tăng trưởng kinh tế.

Cơ sở công nghiệp cũng tăng nhanh, năm 2005 có 8015 cơ sở sản xuất công nghiệp, tăng lên 9795 cơ sở năm 2010; trong đó, số cơ sở công nghiệp ngành chế biến chế tạo tăng nhanh nhất, năm 2005 là 7.722 cơ sở, tăng lên 9.483 cơ sở năm 2010. Ngành công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng từ 3 cơ sở (năm 2002) lên 16 cơ sở (năm 2010). Điều này thể hiện còn thiếu các cơ sở công nghiệp và một số bất ổn về vấn đề xử lý rác thải, ô nhiễm môi trường và cung cấp nước sạch sinh hoạt trong toàn tỉnh.

Giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề có tốc độ tăng trưởng bình quân 36,8%/năm, góp phần quan trọng vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, tạo thêm việc làm, góp phần nâng cao đời sống của người lao động ở nông thôn, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội. Số lao động làm việc trong khu vực tiểu thủ công nghiệp và làng nghề hiện nay khoảng 67.000 người. Tuy nhiên, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề của tỉnh do xuất phát điểm thấp, công nghệ lạc hậu, sức cạnh tranh trên thị trường thấp, vốn đầu tư cho sản xuất còn nhỏ bé, thiếu chuyên gia kỹ thuật và nghệ nhân, thợ giỏi, năng lực quản lý còn hạn chế, thu nhập của người lao động chưa cao.

Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế cũng có chuyển biến. Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực ngoài nhà nước năm 2000 là 207,40 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 1994) chiếm 8,94% giá trị sản xuất công nghiệp, tăng lên 4.581,5 tỷ đồng năm 2010, chiếm trên 36,81% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên. Giá trị sản xuất công nghiệp nhà nước do trung ương và địa phương quản lý giảm nhanh do các cơ sở sản xuất thực hiện cổ phần hóa và phân bố, sắp xếp lại sản xuất. Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong cả giai đoạn 2000 – 2010 tăng khoảng 1,56 lần, tuy nhiên không ổn định và chưa đảm bảo tính bền vững. Nguyên nhân là do môi trường

Phát triển công nghiệp ...

đầu tư và thị trường hàng hóa tỉnh Thái Nguyên chưa có sức hút lớn, một số chính sách ưu tiên và thu hút đầu tư nước ngoài

chưa được chú trọng đúng mức nên đã không thu hút các đối tác lớn đến với tỉnh Thái Nguyên.

BẢNG 1: Giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Thái Nguyên theo giá so sánh năm 1994 phân theo huyện/thành phố/thị xã (Đơn vị: tỷ đồng)

| Năm | 2005 | 2006 | 2007 | 2008 | 2009 | Sơ bộ 2010 | Tốc độ tăng trưởng |
|-----------------|---------|---------|---------|---------|----------|------------|--------------------|
| Toàn tỉnh | 5.175,6 | 5.850,0 | 7.340,7 | 8.749,7 | 10.311,6 | 12.200,0 | 27,1 |
| TP Thái Nguyên | 3.801,8 | 4.132,4 | 5.204,4 | 6.030,4 | 6.823,0 | 7.473,0 | 19,3 |
| TX Sông Công | 460,3 | 607,6 | 796,4 | 1.030,0 | 1.242,8 | 1.610,0 | 50,0 |
| Huyện Võ Nhai | 185,7 | 257,7 | 314,1 | 352,3 | 28,3 | 31,5 | 16,6 |
| Huyện Định Hóa | 9,2 | 12,7 | 20,2 | 32,4 | 427,9 | 471,1 | 41,6 |
| Huyện Đại Từ | 163,1 | 177,2 | 174,9 | 179,0 | 230,6 | 295,0 | 16,7 |
| Huyện Phú Lương | 97,6 | 135,2 | 176,3 | 191,2 | 217,1 | 214,5 | 24,0 |
| Huyện Đông Hỷ | 149,2 | 172,1 | 197,0 | 103,5 | 129,9 | 523,4 | 50,2 |
| Huyện Phổ Yên | 292,7 | 338,1 | 437,1 | 810,7 | 1.190,8 | 1.549,4 | 88,9 |
| Huyện Phú Bình | 16,0 | 17,0 | 20,3 | 20,2 | 21,1 | 32,1 | 20,13 |

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2010.

Các địa phương có giá trị sản xuất công nghiệp lớn là TP Thái Nguyên (7.473,0 tỷ đồng), thị xã Sông Công (1.610,0 tỷ đồng), huyện Phổ Yên (1.549,4 tỷ đồng). Giai đoạn 2005 – 2010, Huyện Phổ Yên có tốc

độ tăng trưởng công nghiệp cao nhất trong tỉnh, đạt 88,9%, tiếp theo là huyện Đông Hỷ: 50,2%, TX Sông Công: 50,0%; riêng huyện Võ Nhai có tốc độ tăng trưởng ở mức âm (là 16,6%).

BẢNG 2: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 1994) của cả nước và một số tỉnh lân cận (năm 2010)

Đơn vị: tỷ đồng

| Cả nước | Thái Nguyên | Phú Thọ | Vĩnh Phúc | Tuyên Quang | Yên Bái | Bắc Cạn | Bắc Giang |
|---------|-------------|---------|-----------|-------------|---------|---------|-----------|
| 797.202 | 12.200 | 11.413 | 42.189 | 2.151 | 2.850 | 264 | 3.952 |

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2010.

Lao động công nghiệp – xây dựng tỉnh hiện chiếm 15,0% tổng số lao động đang làm việc của tỉnh. Tỷ trọng này tăng dần qua các năm cùng với sự gia tăng tỷ trọng giá trị sản xuất và GDP công nghiệp tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Thái Nguyên so với cả nước và các tỉnh lân cận đạt kết quả khá cao, thể hiện chính sách phát triển công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên là hoàn toàn đúng đắn, thúc đẩy các ngành kinh tế khác

phát triển, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của nền kinh tế cả nước.

1.3. Những vấn đề tồn tại

Trong những năm qua, tỉnh Thái Nguyên đã có bước phát triển tương đối mạnh (cả quốc doanh và tư nhân) trong ngành công nghiệp và đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao, song vẫn còn có những mặt tồn tại sau:

Tốc độ tăng trưởng của ngành tuy cao hơn so với mức bình quân của vùng, nhưng

chưa tương xứng với tiềm năng và với vai trò trung tâm công nghiệp của vùng trung du miền núi Bắc Bộ và một địa phương có khu công nghiệp trung ương (khu gang thép) lớn trong cả nước.

Sự phát triển công nghiệp của Thái Nguyên trong thời gian qua tuy dựa trên những tiềm năng nguyên nhiên liệu sẵn có của tỉnh, nhưng vẫn chưa khắc phục được tình trạng thiếu vốn, trình độ công nghệ phần lớn còn lạc hậu, thiết bị ít được đổi mới..., do vậy năng suất, hiệu quả sản xuất còn thấp, tính cạnh tranh sản phẩm còn yếu. Trên 80% giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh tập trung ở thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công. Công nghiệp huyện còn nhỏ bé, hầu như chưa có các doanh nghiệp lớn, sản xuất của hộ cá thể là chủ yếu.

Trong những năm qua, tuy các thành phần kinh tế đã đầu tư nhiều cho cải tạo nhà xưởng, nâng cấp máy móc, trang thiết bị để tăng năng lực sản xuất, nhưng trình độ công nghệ của các ngành công nghiệp nhìn chung chưa cao, trang thiết bị sử dụng trong chế biến, chế tạo còn đơn giản, lao động thủ công còn chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong hoạt động sản xuất công nghiệp.

Trang bị trong ngành công nghiệp có tới trên 60% là thiết bị, công nghệ cũ, lạc hậu. Tốc độ đổi mới công nghệ thấp chỉ ở mức 3%/năm. Tính chung trong toàn ngành công nghiệp, năng lực sản xuất chưa vượt quá 50% công suất thiết kế với mức cơ giới hóa 45%. Mức tiêu hao năng lượng, nguyên liệu cao hơn gấp nhiều lần mức trung bình tiên tiến của thế giới. Sản phẩm đạt chất lượng thấp: chỉ đạt khoảng 70% tiêu chuẩn nội địa, 15% tiêu chuẩn xuất khẩu.

Các cơ sở sản xuất cơ khí trong tỉnh được đầu tư xây dựng từ thập kỷ 70 (thế kỷ XX), trang thiết bị lạc hậu. Ngành chế biến khoáng sản của tỉnh sử dụng công nghệ cũ, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

Một số cơ sở chế biến sử dụng công nghệ nhập khẩu, ví dụ: chế biến chè khô (công nghệ Nhật Bản), chế biến lợn sữa đông lạnh

xuất khẩu (công nghệ Đài Loan), nhưng trình độ công nghệ mới ở mức trung bình. Nguồn vốn đầu tư có hạn là lý do chủ yếu khiến cho trình độ công nghệ của ngành công nghiệp tỉnh thấp hơn so với nhiều địa phương khác trong cả nước như Hà Nội, Vĩnh Phúc...

Nhìn một cách tổng quát, ngành công nghiệp Thái Nguyên vẫn ở trong tình trạng sản xuất nhỏ, trình độ công nghệ thấp, chưa có nhiều thiết bị hiện đại tự động hóa cao, cần phải đầu tư cải tạo phát triển, thay thế dần các thiết bị cũ, lạc hậu, mới có thể bảo đảm tính cạnh tranh trong thời gian tới.

2. Định hướng và một số giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

2.1. Định hướng phát triển kinh tế công nghiệp

Phát triển công nghiệp với tốc độ nhanh, có chất lượng và hiệu quả; tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng thời kỳ 2010 -2020 đạt 12,5 – 13,5 %/năm; ưu tiên về các nguồn lực, ưu đãi về chính sách cho một số ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực như công nghiệp luyện kim, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, công nghiệp cơ khí, công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, đồ uống, công nghiệp dệt may, da giày.

Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng nhanh nhóm ngành chủ đạo, có lợi thế, có truyền thống; hình thành các ngành, sản phẩm công nghiệp mới; tăng nhóm ngành sản xuất hàng xuất khẩu; tăng thỏa đáng các ngành công nghiệp phụ trợ; tăng tỷ trọng công nghiệp tư nhân, đặc biệt là đầu tư ngoài nước trong các ngành công nghiệp chủ lực. Các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và lao động không yêu cầu trình độ cao được chuyển dần về khu vực nông thôn; huy động hiệu quả các nguồn nội lực nội sinh; thu hút tối đa các nguồn lực bên ngoài.

- Phát triển các khu, cụm công nghiệp tập trung, gắn với phát triển hệ thống đô thị; kết hợp với các loại quy mô, loại hình sản xuất; hiện đại hóa và đổi mới thiết bị công nghệ.

Một số ngành công nghiệp cụ thể:

+ Công nghiệp luyện kim: là nhóm ngành chủ đạo, được xác định là một trong những khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ 2000 – 2010; phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2011 – 2020 đạt 14 – 15%/năm; tỷ trọng công nghiệp luyện kim đạt 40%, giá trị sản xuất công nghiệp luyện kim đạt 40% giá trị sản xuất công nghiệp vào năm 2015.

+ Công nghiệp cơ khí: phát triển đáp ứng cơ bản nhu cầu của tỉnh về các thiết bị, máy móc phục vụ nông nghiệp và nông thôn, nhu cầu thị trường trong nước, đặc biệt là các sản phẩm động cơ diesel và các loại phụ tùng của ngành cơ khí cung cấp cho vùng và cả nước. Tỉnh Thái Nguyên từng bước sản xuất một số sản phẩm phục vụ công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, luyện kim thay thế cho sản phẩm nhập khẩu; mở rộng thêm các sản phẩm xuất khẩu, tiến tới xuất khẩu một số loại phụ tùng.

+ Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: tập trung khai thác và chế biến khoáng sản có giá trị kinh tế cao, trữ lượng lớn; đa dạng hóa quy mô khai thác, chế biến khoáng sản và đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường không bị ô nhiễm; chú trọng công tác điều tra, thăm dò tìm kiếm mỏ mới, trữ lượng mới,... bảo đảm khai thác, chế biến cung cấp đủ nguyên liệu cho các cơ sở công nghiệp luyện kim và công nghiệp vật liệu của tỉnh; duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân bình quân thời kỳ 2010 -2020 đạt 13 – 14%/năm.

+ Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh bình quân thời kỳ 2006 – 2010 đạt 17 – 18%/năm và thời kỳ 2011 – 2020 đạt 16 – 17%/năm; tập trung sản xuất các sản phẩm

có lợi thế, có thị trường (xi măng, gạch, ngói nung, tấm lợp...); phát triển các sản phẩm mới (đá ốp lát, sứ cao cấp, cấu kiện bê tông đúc sẵn, vật liệu chịu lửa...).

+ Công nghiệp dệt may – da giày: nâng cao năng lực sản xuất của cơ sở hiện có, đổi mới công nghệ, đào tạo nâng cao tay nghề công nhân...; tập trung sản xuất các sản phẩm hiện đang có thị trường ổn định; nghiên cứu mẫu, mốt thời trang, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm thị trường...; tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2011 -2020 đạt 16%/năm.

+ Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, đồ uống: tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2010 -2020 đạt 22%/năm; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm phải gắn với vùng nguyên liệu và thị trường; từng bước đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm; tăng các sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm tiêu dùng cuối cùng và giảm các sản phẩm sơ chế để tăng giá trị của sản phẩm; tăng nhanh các sản phẩm chủ lực (bia, giấy, chè chế biến, rau quả chế biến, thịt hộp...)

2.2. Một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế công nghiệp

2.2.1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với sự phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Thái Nguyên, đặc biệt là đối với ngành công nghiệp của tỉnh

• **Đối với sự phát triển kinh tế, xã hội**

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện việc hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, các văn bản hướng dẫn và hệ thống pháp luật cho sự phát triển kinh tế và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong đó, đảm bảo sự gắn kết giữa ba mặt phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; bảo đảm sự liên kết giữa tỉnh và các địa phương, giữa các khu vực lãnh thổ trong và ngoài tỉnh, giữa các thành phần kinh tế; hài hòa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài phù hợp với yêu

cầu của nền kinh tế thị trường, với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Đẩy mạnh cải cách hành chính ở các cơ quan từ cấp tỉnh xuống đến cơ sở, củng cố bộ máy chính quyền các cấp, nâng cao năng lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập thành công theo đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nâng cao năng lực và tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình xây dựng và triển khai chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội.

Nâng cao năng lực dự báo về thị trường để định hướng cơ cấu sản phẩm của nền kinh tế và hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh. Tăng cường đào tạo cán bộ quản lý các cấp về phát triển bền vững thông qua các khóa học ngắn hạn và dài hạn trong và ngoài tỉnh, từng bước hiện đại hóa điều kiện làm việc và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý.

Phát huy vai trò chủ động, tích cực của tỉnh trong việc tham gia và giám sát quá trình hoạch định và tổ chức thực thi chính sách, pháp luật.

• *Đổi mới ngành công nghiệp*

Cần rà soát, bổ sung, điều chỉnh, xây dựng cơ chế mới, chính sách để tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nhanh chóng chuyển từ nền kinh tế dựa vào các yếu tố sản xuất sang nền kinh tế dựa vào đầu tư. Sở Kế hoạch và đầu tư phải cân đối các dự án đầu tư giữa các địa phương trong tỉnh, đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, theo kế hoạch thống nhất, căn cứ trên tình hình quy hoạch và theo điều kiện về dân cư, điều kiện về tài nguyên và môi trường.

Các đơn vị sản xuất kinh doanh và các thành phần kinh tế cần đa dạng hóa các hình thức đầu tư, khuyến khích phát triển

thị trường vốn; quan tâm thu hút vốn đầu tư nước ngoài và các nguồn vốn trong nước ở trong và ngoài địa bàn tỉnh. Trong đầu tư, tỉnh cần tăng cường các biện pháp nâng cao hiệu quả nguồn vốn, nhất là nguồn vốn đầu tư nhà nước; khắc phục tình trạng tự phát trong việc thu hút vốn đầu tư; bảo đảm cân đối giữa vay và khả năng trả nợ, cân đối ngoại tệ và các cân đối vĩ mô khác của nền kinh tế trong thời gian dài.

Điều chỉnh cơ cấu đầu tư hướng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với mục tiêu xã hội, tạo mọi điều kiện khai thác thế mạnh các nguồn nội lực của mọi thành phần kinh tế và vốn bên ngoài; trong đó chú trọng điều chỉnh chi ngân sách nhà nước, dành nguồn vốn thỏa đáng cho phát triển nguồn nhân lực và an sinh xã hội, tạo việc làm, giảm tỷ lệ hộ nghèo; bảo đảm chi ngân sách cho sự nghiệp môi trường.

Sở Công thương và Sở Kế hoạch đầu tư điều chỉnh cơ cấu đầu tư vào các khu công nghiệp, đồng thời nhanh chóng đưa các khu công nghiệp, làng nghề tiểu thủ công nghiệp và các ngành công nghiệp thực phẩm, công nghiệp tiêu dùng vào hoạt động ổn định, đạt hiệu quả cao và thành lập thêm các cụm công nghiệp, tiểu khu công nghiệp nặng.

2.2.2. *Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch của tỉnh*

Trong quy hoạch phát triển công nghiệp, đặc biệt chú ý đến vấn đề khai thác tài nguyên hợp lý và bảo đảm tính bền vững, sử dụng công nghệ hiện đại nhằm tiết kiệm và hạn chế thất thoát tài nguyên.

Đối với mỗi dự án, cơ sở công nghiệp phải có báo cáo tác động môi trường và hệ thống xử lý chất thải được kiểm định mới cấp phép hoạt động.

2.2.3. *Mở rộng hợp tác liên tỉnh, liên vùng một cách toàn diện*

Mở rộng hợp tác liên tỉnh, liên vùng của tỉnh Thái Nguyên cần thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt, trong chiến lược phát triển kinh tế công nghiệp, tỉnh cần

xác định và đánh giá những tác động từ các tỉnh và vùng lân cận để điều chỉnh cơ cấu ngành và vấn đề khai thác lãnh thổ.

Khi xây dựng bản đồ quy hoạch, cần có nghiên cứu liên tỉnh và liên vùng, luôn đặt tỉnh Thái Nguyên với vai trò trung tâm vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Trong vấn đề bảo vệ môi trường, cần thực hiện toàn diện và đồng bộ với các tỉnh bảo đảm cho phát triển kinh tế công nghiệp của tỉnh.

2.2.4. Phát triển nguồn nhân lực và khoa học công nghệ

Để đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp, cần phải tăng chất lượng nguồn nhân lực với các yêu cầu chủ yếu: tăng nhanh số lao động được đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề và trình độ người lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Đào tạo nguồn lao động tại chỗ, có chính sách thu hút lực lượng tri thức trẻ ở lại Thái Nguyên lập nghiệp và tham gia vào các ngành kinh tế.

Tỉnh cần có chiến lược dài hạn, đào tạo đội ngũ các nhà khoa học, công nhân có trình độ cao để có thể tự chủ với những dây truyền thiết bị hiện đại và cách thức quản lý kinh tế mới.

Tỉnh cần đầu tư và khai thác triệt để các đề tài nghiên cứu ứng dụng vào sản

xuất, tiếp tục tăng cường triển khai các chương trình khoa học công nghệ trong toàn tỉnh, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO, ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nhà nước.

Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa để bảo đảm quyền lợi cho người tiêu dùng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ty cổ phần Thông tin kinh tế đối ngoại (2005), Thái Nguyên - Thế và lực mới trong thế kỷ XXI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2010), Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVIII.
3. Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên (2006), Thái Nguyên, tháng 4-2007.
4. Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên -Thai Nguyen Statistical YearBook (2010), Thái Nguyên, tháng 4-2010.
5. Kinh tế - xã hội Việt Nam (2006), Các tỉnh - thành phố - quận - huyện năm 2010", Nxb Thống kê, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Sơn (2010), Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Thái Nguyên trên quan điểm phát triển bền vững (Luận văn cao học).
7. UBND tỉnh Bắc Thái, Sở công nghiệp - thủ công nghiệp (1994), *Dự án quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Thái từ 1994- 1995, 1996- 2000 và 2001- 2010*, Bắc Thái.
8. UBND tỉnh Thái Nguyên (2007), "Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020:".